TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2017
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành
2. Bà Trần Thị Út

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Mỹ Á - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang*** tham gia phiên Tòa: Bà Lê Thị Hà – kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Hồng P

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức H

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Thanh Đ – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Châu Thành A

Địa chỉ trụ sở: ấp TT, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt tại phiên tòa)

- Ngân hàng C

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169 đường LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hữu D – Phó Giám đốc Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Châu Thành A - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ trụ sở: ấp NT, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/4/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị Hồng P trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TLA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống anh, chị đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vì thương chồng, thương con nên chị cố gắng chịu đựng. Đến năm 2015 thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nhất, nguyên nhân là do chồng chị không lo làm ăn, ham mê đá gà, không có trách nhiệm với gia đình và thường xuyên đánh đập chị. Nay, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh là Nguyễn Đức H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, (nữ) sinh ngày 06 tháng 7 năm 1994 và cháu Nguyễn Thị Mộng C (nữ), sinh ngày 16 tháng 7 năm 2001. Hiện nay hai cháu đang sống chung với vợ chồng chị. Do cháu N đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu C theo nguyện vọng của cháu. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N - Chi nhánh Châu Thành A số tiền 40.000.000 đồng và nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Châu Thành A số tiền 20.000.000 đồng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa: Anh Nguyễn Đức H thống nhất với chị P về thời gian chung sống với nhau và thời gian đăng ký kết hôn. Anh không biết nguyên nhân gì phát sinh mâu thuẫn. Anh xác nhận trước đây có đánh đập chị P nhưng khoảng hơn 10 năm nay không còn. Anh hứa sẽ sửa đổi tính tình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh cũng thống nhất với phần trình bày của chị P. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu C theo nguyện vọng của cháu. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N - Chi nhánh Châu Thành A số tiền 40.000.000 đồng và nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Châu Thành A số tiền 20.000.000 đồng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Châu Thành A có ông Huỳnh Thanh Đ trình bày tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2017: Vào ngày 20/5/2016 anh H có vay Ngân hàng N - Chi nhánh Châu Thành A số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để sản xuất nông nghiệp. Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn cuối cùng của hạn mức tín dụng đến ngày 20/5/2019. Ngày 20/5/2016 anh H nhận nợ lần 1 số tiền 40.000.000 đồng, hạn trả vào ngày 20/5/2017 và đã trả vào ngày 02/6/2017.

Ngày 02/6/2017 anh H nhận nợ lần 2 số tiền 40.000.000 đồng, hạn trả vào ngày 02/6/2018.

Tạm tính đến ngày 06/6/2017, anh H còn nợ Ngân hàng số tiền 40.040.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 40.000 đồng.

Anh H đã thế chấp cho Ngân hàng 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 126m^2, số CH01627 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A cấp ngày 28/12/2015 tọa lạc tại ấp 1B, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình vay ông H thực hiện việc trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng đúng hạn.

Nay, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Ngân hàng cam kết không khiếu nại về sau và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Châu Thành A chi nhánh tỉnh Hậu Giang có ông Nguyễn Hữu D trình bày tại bản tự khai ngày 30 tháng 5 năm 2017: Anh Nguyễn Đức H và chị Võ Thị Hồng P có vay Ngân hàng 32.000.000 đồng, khoản nợ này chưa đến hạn nên Ngân hàng chưa yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Ngân hàng cam kết không khiếu nại về sau và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Về nội dụng vụ án: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Đức H; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, (nữ) sinh ngày 06/7/1994 và cháu Nguyễn Thị Mộng C (nữ), sinh ngày 16/7/2001. Cháu N đã trưởng thành không đặt vấn đề giải quyết. Riêng cháu C, xét theo nguyện vọng của cháu C có nguyện vọng sống chung với chị P nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu C cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng là 650.000đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa chị Võ Thị Hồng P tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2006. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn. Ngày 14 tháng 4 năm 2017, chị P nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh H. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh H là người bị kiện trong vụ án có địa chỉ ở ấp 1, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N, Ngân hàng C vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng N và Ngân hàng C.

[2] Xét yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp (giấy đăng ký kết hôn số 01 ngày 01/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã TLA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang). Quá trình chung sống giữa chị P và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, ham mê đá gà, nhiều lần đánh đập chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mời các đương sự đến Tòa án để hòa giải, động viên cho các đương sự hàn gắn quan hệ gia đình nhưng hòa giải không thành. Tại phiên tòa hôm nay, anh H yêu cầu được đoàn tụ gia đình, anh sẽ chí thú làm ăn, chăm lo cho cuộc sống gia đình, phía chị P vẫn kiên quyết được ly hôn với anh H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, (nữ) sinh ngày 06 tháng 7 năm 1994 và cháu Nguyễn Thị Mộng C (nữ), sinh ngày 16 tháng 7 năm 2001. Cháu N đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết. Riêng cháu C, có nguyện vọng sống với chị P và phía anh H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, phía anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C theo quy định của pháp luật. Đây là ý chí tự nguyện của anh H, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận. Hiện tại mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật bằng ½ mức lương tối thiểu nên anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng là 650.000đồng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tuy nhiên, do anh H không trực tiếp nuôi con nên

đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Nguyễn Đức H không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy,chị Võ Thị Hồng P phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81. Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hồng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của anh H giao cháu Nguyễn Thị Mộng C (nữ) sinh ngày 16/7/2001 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Mộng C mỗi tháng là 650.000đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung anh Nguyễn Đức H không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Thị Hồng P phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị P đã đóng theo biên lai số 0010924 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị P đã nộp xong.

6. Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

9. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án đối với vấn đề có liên quan trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại trụ sở chính quyền địa phương.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã TLA;
- Lưu hồ sơ vụ án.